

phổi mắc sẵn từ rất lâu. Hai vợ chồng không có con. Sau đó cái gì xảy ra trong thân thế Myriel? Sự sụp đổ của xã hội cũ, sự sa sút của chính gia đình mình, những cảnh tượng bi thảm năm 93¹, có lẽ còn ghê sợ hơn đối với những kẻ di cư, vì đã hoảng hốt mà ở xa thì nhìn cái gì cũng thành phóng đại, tất cả những cái đó phải chăng đã gieo vào trí ông ta những ý nghĩ từ bỏ công danh, mến đời ẩn dật? Có phải, giữa những cuộc vui chơi và những tình cảm choán hết cuộc đời, bỗng dung ông bị giáng một đòn thần bí, kinh khủng, ngón đòn có khi chỉ vì đánh trúng tim nên quật đổ con người mà lâu nay các tai họa công cộng đánh vào cuộc sống và tài sản không sao lay chuyển nổi? Không một ai có thể trả lời được. Chỉ biết một điều là khi từ Ý trở về, ông ta đã là một cố đạo.

Năm 1804, ông Myriel làm cha xứ ở Brignolles. Ông đã già và sống cuộc đời ẩn dật.

Vào khoảng lẽ đăng quang, ông phải lên Paris vì có chút việc của nhà xứ, việc gì thì không ai nhớ nữa. Trong số những nhà quyền thế mà ông đến nhờ và cho con chiên của ông, có đức giáo chủ Fesch. Một hôm hoàng đế đến thăm cậu, ông linh mục đức độ ấy đang đợi ở phòng khách nên gặp ngài lúc ngài đi qua. Ngài thấy ông nhìn mình có vẻ tò mò, liền quay lại đột ngột hỏi:

– Lão nhân là ai mà nhìn ta kĩ thế?

Ông Myriel đáp:

– Tüm bệ hạ, bệ hạ nhìn một lão nhân, còn hạ thần thì nhìn một vĩ nhân, bên nào cũng được lợi cả.

Ngay tối hôm ấy hoàng đế hỏi giáo chủ tên vị cha xứ và sau đó ít lâu, ông Myriel rất ngạc nhiên được tin mình thăng chức giám mục thành Digne.

Chẳng ai biết thực hư trong những câu chuyện người ta kháo nhau về đoạn đầu của cuộc đời ông. Có mấy nhà quen thuộc gia đình ông hồi trước cách mạng đâu! Thành ra ông cũng phải chịu cái số phận chung của những người xa lạ mới đến ở một thành phố nhỏ có lầm kè rỗi mồm mà ít người chịu khó suy nghĩ. Ông đành chịu vậy, mặc dù ông làm giám mục và chính vì ông làm giám mục. Thật ra, những chuyện xì xào về ông

1. 1793 là năm cách mạng Pháp trấn áp kẻ thù dữ dội nhất và xử tử cả vua Louis XVI. Cũng có những vụ trường trị sai lầm nhất định. (Những chú thích trong bản dịch này đều là của người dịch, trừ một vài chú thích có ghi “của nguyên bản”).

chỉ là những chuyện xì xào, những tiếng đồn đại, những lời nói vào nói ra thôi, nghĩa là toàn những chuyện *ba láp*¹ cả, như cách nói mạnh mẽ của miền Nam.

Dù sao, chín năm trời ông làm giám mục ở Digne, những chuyện thóc mách người tinh nhở ưa đem ra bàn tán buổi đầu ấy dần dần rồi cũng băng đi hết. Chẳng một ai dám nói, mà cũng chẳng một ai dám nhớ đến nữa.

Đến nhậm chức ông có đem theo một người em gái, cô Baptiste. Cô em kém ông anh mười tuổi, ở vậy không lấy chồng. Trong nhà độc một người ở, trạc tuổi cô em, gọi là bà Magloire. Trước kia bà là *người hầu của cha xứ*, nhưng nay bà lại kiêm hai chức, vừa là hầu phòng của cô em, vừa là quản gia của đức giám mục.

Cô Baptiste người cao lại lép, nước da xanh tái, nét mặt hiền hậu. Cô thực là một người đáng trọng, vì hình như đàn bà có làm mẹ mới gọi là đáng kính được. Cô không phải là người có nhan sắc, nhưng một đời tận tụy làm việc thiện đã làm cho cô có một vẻ gì trong trắng và lúc về già được thêm cái vẻ nhân hậu. Dáng người mảnh dẻ của thời con gái nay đã nhuốm vẻ thanh cao trong sáng của bậc thiên thần. Cô không phải chỉ là một trinh nữ, cơ hồ cô là một linh hồn. Người cô như một cái bóng. Chỉ một chút thể xác để biết là phụ nữ thôi; một chút thể chất rạng chói hào quang. Hai con mắt to lúc nào cũng nhìn xuống; một cái cớ cho linh hồn nán lại chốn trần tục.

Bà Magloire là một bà già thấp bé, da trắng, béo tròn, lúc nào cũng tất tả, cũng thở hổn hển, một phần vì hoạt động, một phần vì chứng hen.

Khi ông Myriel đến nhậm chức, người ta đã đón rước ông về dinh giám mục với mọi nghi lễ long trọng đúng quy chế nhà vua ban hành. Quy chế này xếp ông liền ngay sau chúc thiếu tướng. Ông thị trưởng và ông chánh án đến thăm ông đầu tiên; phần ông, trước hết ông cũng đến thăm ông thiếu tướng và ông tỉnh trưởng.

Xếp đặt xong xuôi, ai nấy chờ xem ông giám mục tỉnh nhà bắt tay vào việc.

1. Nguyên văn: *palabres* – khẩu ngữ Pháp cổ, nghĩa từ nguyên là tặng vật linh tinh trao cho một vua hoặc tù trưởng châu Phi, nghĩa rộng là chuyện dông dài vô bổ. Hình như danh từ này đã nhập tịch vào miền Nam Việt Nam và trở thành: ba láp.

II

ÔNG MYRIEL THÀNH ĐỨC CHA BIENVENU¹



inh giám mục thành Digne ở sát ngay nhà thương. Đó là một tòa biệt thự to lớn và lịch sự, xây toàn bằng đá từ đầu thế kỉ trước. Người xây dựng nó là đúc cha Henri Puget, tiến sĩ thần học trường đại học Paris, viện trưởng tu viện Simore, từ năm 1712 làm giám mục thành Digne. Tòa biệt thự này quả là một lâu đài lanh chúa. Chỗ nào cũng uy nghi, nhà riêng của giám mục, phòng khách, phòng ngủ, sân chơi rộng rãi với những lối dạo có vòm cuốn, theo kiểu Florence thời xưa, vườn thênh thang đầy những cổ thụ. Phòng ăn cao rộng, đẹp đẽ, ở ngay tầng dưới, trông ra vườn. Ở đấy ngày 29 tháng 7 năm 1714, đúc cha Henri Puget đã thiết tiệc trọng thể các đúc cha Charles Brûlart de Genlis, tổng giám mục – hoàng thân ở Embrun, Antoine de Mesgrigny, tu sĩ dòng thánh France, giám mục ở Grasse, Philippe de Vendôme, Pháp quốc lễ thần, viện trưởng tu viện Saint-Honoré de Lérins, François de Berton de Grillon, giám mục – nam tước ở Vence, César de Sabran de Forcalquier, giám mục – thống đốc ở Glandèze và Jean Soanen, linh mục giảng viên, giảng sư bình thời của nhà vua, giám mục – thống đốc ở Senez. Gian phòng bày chén dung bảy nhán vật cao quý ấy, còn cái ngày đáng ghi nhớ, *ngày 29 tháng 7 năm 1714*, thì được khắc bằng chữ vàng trên một cái bàn cẩm thạch trắng.

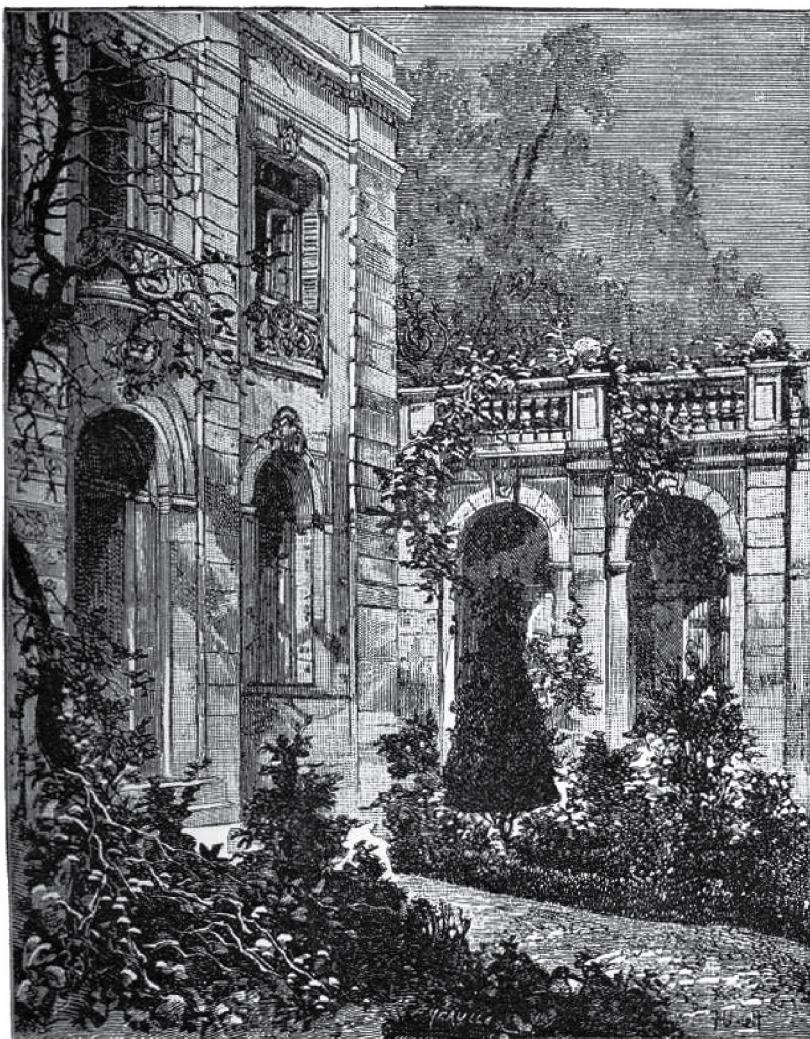
Nhà thương là một ngôi nhà thấp, chặt hẹp có độc một tầng gác với một mảnh vườn nhỏ.

Vừa đến Digne được ba hôm, đúc giám mục sang thăm nhà thương. Thăm xong, ông cho mời viên giám đốc đến nhà riêng.

- Ông giám đốc bệnh viện, lúc này ông có bao nhiêu bệnh nhân?
- Bẩm có hai mươi sáu người.

1. Bienvenu là tên đệm của ông Myriel nhưng cũng có nghĩa là “người được mong đợi”.

- Đúng, tôi cũng đã đếm.
- Giường họ nằm kề sát nhau quá, – viên giám đốc nói tiếp.
- Tôi cũng đã nhận thấy vậy.
- Phòng dưỡng bệnh chỉ là những buồng con, không khí tù hãm.
- Tôi cũng thấy hình như thế.
- Lại còn cái vườn nhỏ quá, không đủ chỗ cho những người mới hồi phục ra chơi khi trời nắng ấm.
- Tôi cũng nghĩ vậy.



Dinh giám mục

– Vào hồi có dịch, như năm nay vừa có dịch thương hàn, năm kia có dịch sốt phát ban, người đến chữa có lúc hàng trăm, chúng tôi chẳng còn biết xoay xở ra sao.

– Tôi cũng đã lo có điều như vậy.

– Bẩm đức cha, cũng đành thôi, chú biết làm thế nào! – Viên giám đốc nói.

Hai người nói chuyện ở ngay chỗ phòng ăn rộng lớn dưới nhà. Ông giám mục trầm ngâm một lúc rồi quay phắt lại hỏi viên giám đốc:

– Nay, ông thử tính xem riêng phòng này kê được bao nhiêu giường?

Viên giám đốc sững sốt kêu lên:

– Phòng ăn của đức cha!

Ông giám mục nhìn quanh nhà, như ước lượng, rồi lẩm bẩm:

– Dễ kê được vài chục giường! – Rồi ông ta nói to – Nay, ông giám đốc, tôi nói điều này: theo tôi thì có lẽ có sự nhầm lẫn gì đây. Các ông đến hăm sáu người, mà xếp vào năm sáu căn buồng con. Còn chúng tôi ở đây có ba người mà chiếm cả một ngôi nhà có thể chứa sáu chục. Đúng là người ta nhầm. Các ông đã chiếm nhà tôi, còn tôi thì lại ở nhà các ông. Xin ông trả lại nhà cho tôi. Nhà của các ông là ở bên này đây.

Ngay hôm sau, hai mươi sáu bệnh nhân nghèo được sang ở dinh giám mục và ông giám mục dọn đến ở bên nhà thương.

Ông Myriel chẳng có cửa cải gì. Cha mẹ ông đã bị phá sản trong thời kì cách mạng. Cô em có món thực lợi chung thân mỗi năm hưởng năm trăm franc tiền lời đủ cho cô chi dùng riêng về phần mình. Lương đồng niên giám mục được mười lăm nghìn franc. Ngay hôm dọn sang ở bên nhà thương, ông quy định một cách cố định việc chi dùng số tiền ấy.

Chúng tôi chép lại dưới đây sổ chi tiêu đó, do chính tay ông viết lấy.

BẢN GHI NHỮNG KHOẢN CHI TIỀU TRONG NHÀ

– Cấp cho chúng viện	1.500 franc
– Cấp cho hội giảng đạo	100 franc
– Cấp cho nhà tu dòng Lazar ở Montdidier	100 franc
– Cấp cho trưởng tu sĩ hội truyền giáo nước ngoài ở Paris	200 franc
– Cấp cho hội đức Thánh Thần	150 franc

- Cấp cho cơ sở giáo hội ở Đất Thánh	100 franc
- Cấp cho nhà dục anh	300 franc
- Cấp riêng cho nhà dục anh ở Arles	50 franc
- Công cuộc cải thiện nhà lao	400 franc
- Công cuộc úy lạo và phóng thích tù nhân	500 franc
- Để phóng thích những gia trưởng bị tù vì nợ	1.000 franc
- Phụ cấp các thầy giáo ít lương trong địa phận	2.000 franc
- Cấp cho kho lúa nghĩa thương vùng Thượng Alpes	100 franc
- Cấp cho các trưởng con gái nghèo của hội từ thiện ở Digne, Manosque và Sisteron	1.500 franc
- Cấp cho kẻ khó	6.000 franc
- Khoản chi tiêu cho riêng mình	1.000 franc
TỔNG CỘNG	15.000 franc

Suốt thời gian ở Digne ông không hề thay đổi một khoản nào trong bản dự toán đó. Thế mà ông bảo là *đã dự toán các khoản chi tiêu trong nhà rồi đấy*.

Cách sử dụng đồng tiền như vậy được cô em tuyệt đối tuân theo. Đối với người đàn bà đức hạnh, ông giám mục vừa là bậc anh, vừa là đức cha. Trong gia đình ông là người bạn, theo phép nhà thờ ông là bậc bể trên. Ông nói thì cô cúi đầu nghe. Ông làm thì cô em hưởng ứng. Chỉ có người dày túi già, bà Magloire, là có kêu ca chút ít. Vì, như ta đã thấy, ông giám mục chỉ giữ lại cho mình có một nghìn franc, cộng với số tiền dưỡng lão của bà cô Baptiste, vị chi là một nghìn rưỡi franc một năm, mà cả ba người ăn tiêu đều phải trông vào đấy cả.

Thế mà lần nào có một cha xứ ở dưới làng lên, ông giám mục cũng cứ giữ lại thất cơm. Được như thế là nhờ ở tính tiết kiệm nghiêm khắc của bà Magloire và cách quản lí khéo léo của cô Baptiste.

Một hôm, bấy giờ ông đã làm giám mục ở Digne được ba tháng, ông bảo:

- Như thế này thì ta cũng túng lắm nhỉ!

Bà Magloire kêu lên:

- Làm gì mà không túng! Đức cha quên cả không xin lĩnh món tiền

nhà nước cấp cho tòa giám mục làm tiền xe trong thành phố và tiền lộ phí kinh lí trong hạt. Đó là lệ của các giám mục ngày trước.

– Thế à! Bà nói phải đấy.

Và ông làm giấy đòi khoản tiền đó.

Ít lâu sau, hội đồng hàng tỉnh lưu ý đến đơn của tòa giám mục, bỏ phiếu chuẩn cấp cho ông món tiền hằng năm ba ngàn franc theo khoản: *Chi cho đức giám mục về tiền xe ngựa và trạm phí, lộ phí kinh lí trong hạt.*

Việc này làm cho bọn tư sản trong tỉnh kêu âm cả lên. Có vị nguyên lão nghị viện trước kia có chân ở viện Ngũ bách¹ và tán thành cuộc đảo chính ngày 18 tháng Sa Mù², lại được hưởng một thái ấp lớn ở vùng Digne, viết cho thượng thư bộ Lễ, ông Bigot de Préameneu, một bức thư mật giọng bức túc.

Xin trích nguyên văn một đoạn:

“...Tiền xe? Làm gì phải cần đến tiền xe ở một tỉnh chưa đến bốn nghìn dân? Lại tiền trạm phí và lộ phí kinh lí nữa? Đi kinh lí làm gì đã chứ? Mà đi xe trạm thế nào được trong xứ núi non này? Đường sá làm gì có. Chỉ có đi ngựa thôi. Đến như cái cầu trên sông Durance ở Château-Arnoux cũng còn khó khăn mới cho nổi chiếc xe bò đi qua. Cái bọn cha cố đều như thế cả. Tham lam và keo bẩn. Lão này lúc mới đến cũng làm ra vẻ chân tu lầm, nay thì cũng y như bọn khác. Cũng đòi xe với kiệu! Cũng đòi xa hoa như các giám mục thời trước. Gớm cho bọn tu hú này! Thưa bá tước, bao giờ Hoàng đế trừ xong cho dân ta cái nạn bọn áo dài đen này thì mọi sự mới được ổn thỏa. Đả đảo giáo hoàng! (Khi ấy triều đình đang có xích mích với tòa thánh La Mã.) Về phần tôi, tôi chỉ biết có Hoàng đế...”

Việc ấy trái lại, làm bà Magloire mừng rơn. Bà ta thì thào với cô Baptiste:

– Có thể chứ! Đức cha chỉ quen nghĩ đến người khác, nhưng rồi cũng phải nhớ đến mình chứ. Các khoản làm phúc đã có đủ cả rồi. Ba nghìn franc này là ba nghìn của chúng ta đây.

Ngay tối hôm ấy, ông giám mục đưa cho cô em tờ kê sau đây:

1. Viện dân biểu gồm năm trăm người thời Cách mạng Tư sản dân quyền Pháp, bị Napoléon giải tán năm 1799.

2. Cuộc đảo chính 18 Brumaire của Napoléon năm 1799 thiết lập chế chế Tổng tài (Consulat) mà ông là Tổng tài đệ nhất, chuẩn bị cho nền Đế chế I.

CHI TIÊU VỀ XE NGƯA VÀ LỘ PHÍ KINH LÍ TRONG HẠT

- Cấp cho nhà thương để nấu xúp thịt cho bệnh nhân	1.500 franc
- Cấp cho hội dục anh ở Aix	250 franc
- Cấp cho hội dục anh Draguignan	250 franc
- Cấp cho nhà nuôi trẻ bỏ rơi	500 franc
- Cấp cho nhà nuôi trẻ mồ côi	500 franc
TỔNG CỘNG	3.000 franc

Đó là ngân sách của ông Myriel.

Còn những khoản thu bất thường của tòa giám mục như hủy đăng kí kết hôn, miễn trù, rửa tội tạm, giảng kinh, công nhận nhà thờ, nhà nguyện, cưới xin... thì cần làm phúc cho kẻ nghèo bao nhiêu ông ráo riết thu của người giàu bấy nhiêu.

Sau một thời gian ngắn, tiền quyên cúng đem đến rất nhiều. Người có, kẻ túng đều đến gõ cửa nhà ông: người này đến xin tiền mà kẻ kia vừa đem lẽ. Thành ra chưa đầy một năm, ông giám mục hóa ra người thủ quỹ chung của các nhà hảo tâm và phát ngân viên của những người cùng khốn. Tính những món tiền qua tay ông thật là nhiều. Vậy mà cách sống của ông vẫn không hề thay đổi, không hề có thêm một khoản gì ngoài những cái tối cần thiết.

Hơn thế nữa, cũng vì ở trong xã hội, ở dưới có nhiều cảnh khốn cùng mà ở trên thì có ít lòng bác ái, nên có thể nói: thường tiền cúng chưa kịp vào đã phải phát ra; như gió vào nhà trống, tiền ông có thu vào mà chẳng bao giờ còn sót một đồng dính tay. Thành thử ông phải dốc túi ra.

Theo tục lệ, trên giấy má, thư từ, các vị giám mục thường nêu tên thánh của mình. Nhân đó, những dân nghèo trong xú, vì lòng kính mộ tự nhiên, đã chọn trong các tên và họ của ông, một tên theo họ là có ý nghĩa, và chỉ gọi ông là đức cha Bienvenu. Chúng tôi bắt chước họ gọi ông như thế khi cần. Thực ra cách xưng hô ấy làm ông vừa ý.

– Tôi thích cái tên ấy, – ông nói. – Chữ Bienvenu làm cho chữ đức cha bớt cách biệt.

Chúng tôi không dám cho bức chân dung mô tả đây là thực, chúng tôi chỉ xin nói là nó giống.

III

GIÁM MỤC GIỚI THÌ ĐỊA PHẬN KHÓ

 ng giám mục không phải vì đã đem tiền xe cộ ra làm phúc cả mà ít đi kinh lí. Cái xú Digne này quả là một địa phận vất vả. Đồng bằng thì ít, núi non thì nhiều, đường sắt hầu như không có, trên kia đã thấy rồi; lại đến ba mươi hai xú, bốn mươi mốt họ và hai trăm tám mươi lăm chi. Đi thăm hết thảy bấy nhiêu là cả một vấn đề. Ông giám mục vượt qua được tất cả. Gần thì ông đi bộ, đường đồng bằng thì ông đi xe bò, leo núi thì ông ngồi ghế cho la thồ. Hai bà già theo ông cho có bạn. Chuyến đi nào đối với các bà quá khó nhọc thì ông đi một mình.

Một hôm, ông đi lừa đến Senez, một thành phố xưa kia có tòa giám mục. Dạo ấy, túi tiền hầu như rỗng không, ông không thể đi lại cách nào khác. Viên thị trưởng ra đón ông ở cửa tòa giám mục và nhìn ông từ trên mình lừa bước xuống, ra vẻ khó chịu. Có mấy tên nhà giàu cười khúc khích chung quanh. Ông bảo họ: “Thưa ông thị trưởng và cả các ngài tư sản nữa, tôi hiểu vì sao các ông bức bối rồi. Các ông cho là một thầy tu quên phải hợm mình lăm mới cưỡi lừa như đức Chúa Jésus trước kia! Thưa thật với các ông, tôi không hề có ý kiêu căng mà chỉ vì cần thiết quá.”

Trong các chuyến kinh lí, ông tỏ ra độ lượng và hiền hòa, chuyện trò nhiều hơn là thuyết pháp. Ông không bao giờ đặt một đức tốt nào vào một chỗ mà không ai với tới được. Ông cũng chẳng bao giờ phải tìm xa những lí lẽ và những hình mẫu cho lời nói của mình. Nói chuyện với dân xú này, ông nêu gương dân xú bên cạnh. Ở những tổng mà người ta hép lòng đối với kẻ túng bẩn, ông nói: “Hãy xem người Briançon. Họ cho người nghèo, đàn bà góa, trẻ mồ côi quyền được cắt cỏ ở các đồng cỏ của họ trước mọi người khác ba ngày. Nhà cửa có bị đổ nát thì họ cất giùm lại

cho, không lấy tiền. Vì thế, xú ấy là một xú được Chúa ban ân. Suốt một thế kỉ, một trăm năm nay, không hề có lấy một kẻ giết người.”

Ở những làng chỉ biết có đồng tiền và hạt thóc, ông nói: “Hãy xem người Embrun. Vào ngày mùa, người nào có con trai tại ngũ, con gái bận công việc nhà nước ở trên tinh, mà lại đau ốm hoặc gặp khó khăn, thì cha xú đem ra nói với con chiên vào lúc giảng kinh. Thế là, chủ nhật, xem lễ xong, hết thảy dân làng, đàn ông, đàn bà, trẻ con kéo đến ruộng con người đáng thương nọ, gặt hái hộ và mang cả thóc lắn rơm rạ về tận nhà.”

Gặp những gia đình chia rẽ vì chuyện tiền bạc và gia tài, ông bảo: “Hãy trông dân vùng núi Devolny, một vùng hoang dại đến nỗi năm mươi năm không nghe họa mi hót một lần. Thế mà, cha chết, con trai liên di tú phương tìm kế sinh nhai, còn cửa cải thì nhường lại cho con gái để con gái dễ kiếm chồng.”

Ở các tổng ưa kiện tụng, có nhiều tá điền suy sụp vì chạy theo các thú đơn tú, ông nói: “Hãy xem nông dân thung lũng Queyras, họ rất thuần hậu. Họ có ba nghìn người ở đó. Trời! Cứ như một nước cộng hòa nhỏ. Họ chẳng hề biết đến thẩm phán, mỗi tòa là gì. Mọi việc, xã trưởng làm tất. Ông phân bổ thuế khóa từng nhà theo lương tâm mình, giải quyết giúp các vụ tranh chấp, chia hộ gia tài không lấy công, xử án không lấy án phí và mọi người nghe theo vì ông ta là một người công minh sống giữa những con người chất phác.”

Đến những làng không thấy có thầy học, ông cũng kể đến dân vùng Queyras: “Bà con có biết họ làm như thế nào không? Thường một xóm mươi lăm nóc nhà thì không nuôi nổi một thầy học, cho nên họ có những thầy giáo do cả xú đài thọ, các thầy giáo đó đi hết xóm này đến xóm nọ, một tuần nơi này, mươi ngày nơi kia, đến đâu dạy đó. Các ông giáo hay đến các phiên chợ, tôi gặp họ ở đấy. Thấy họ giắt bút lông ngỗng trên băng mũ thì nhận ra ngay. Ai chỉ dạy đọc thì một lông, ai dạy đọc dạy tính thì hai lông, ai dạy đọc dạy tính dạy cả La-tinh nữa thì ba lông. Những vị đó là những nhà đại thông thái. Còn dốt nát thì xấu hổ biết bao nhiêu! Bà con ta nên làm như người Queyras.”

Ông nói chuyện như vậy, nghiêm túc và chân tình, thiếu ví dụ sống thì dùng ngữ ngôn, đi thẳng vào đích, ít lời mà nhiều hình ảnh; đó là lối hùng biện của Chúa Jésus, đầy tin tưởng và sức thuyết phục.

IV

NÓI SAO LÀM VẬY



ng nói chuyện thân mật và vui vẻ. Sống với hai bà già suốt đời ở cạnh ông, ông khéo chọn lối ăn nói cho vừa tầm họ. Khi ông cười, cái cười của ông hồn nhiên như của một cậu học sinh.

Bà Magloire thích gọi ông là *ông lớn*. Một hôm ông đang ngồi trên ghế, đứng dậy ra chỗ ngăn tủ tìm một quyển sách. Sách để ở tận ngăn trên. Ông vốn thấp bé nên không với tới. Ông gọi bà Magloire bảo: “Bà mang cho tôi cái ghế. Tôi tuy *lớn* nhưng vẫn không lớn tới tầm ván kia.”

Ông có một bà họ xa, bà bá tước Lô. Bà này không bao giờ bỏ lỡ dịp đem khoe khoang trước mặt ông những cái mà bà ta gọi là những “ngưỡng vọng” của ba cậu công tử con bà. Bà ta có những ông chú bà bác đã già lăm, lại vô tư, gia tài, tước lộc, về sau thể tất về tay ba người con bà. Cậu út rồi sẽ được hưởng đến mười vạn quan lợi túc của một bà cô; cậu thứ hai rồi sẽ được ấm phong tước công của ông bác; cậu cả rồi sẽ được kế chân quốc lão của ông nội. Ông giám mục thường vẫn lặng yên nghe chuyện bà ta, coi đó là một cái tật vô hại của các bà hay khoe con. Duy có một lần, trong khi bà ta đang kể đi kể lại tỉ mỉ những chuyện kể tự và những “ngưỡng vọng” đó, thì ông giám mục trông có vẻ thẫn thờ hơn mọi bận. Bà ta hơi bức mình, ngừng lại hỏi:

– Kìa ông anh. Ông đang nghĩ đi đâu thế?

– Tôi đang nghĩ đến một câu sách cũng hơi kì, hình như trong sách của thánh Augustin, như thế này: “Hãy đặt ngưỡng vọng của ta vào người nào mà ta không thừa kế gì cả”.

Một lần khác, ông nhận được tờ cáo phó của một nhà quý tộc trong xứ, trong đó kê đặc cả một trang giấy những chức tước của người đã khuất, lại còn la liệt những phẩm hàm chúc tước của bọn con cháu họ hàng nữa. Ông bảo: “Cái chết thế mà khỏe lạ! Mang nhẹ nhàng cả một mớ nặng chúc tước!

Kẻ người đời cũng tài thật, lợi dụng đến cả cái thây ma để khoe khoang hóm hĩnh!"

Đôi khi ông có những lời giễu cợt nhẹ nhàng mà có ý nghĩa sâu sắc. Mùa chay năm nọ có ông phó xú trẻ tuổi lên tỉnh giảng thuyết ở nhà thờ lớn về lòng từ thiện. Ông ấy giảng giải khá hùng hồn. Nội dung bài giảng là lòng từ thiện. Ông tả cảnh địa ngục thật ghê rợn và tô điểm thiên đường thành cảnh êm đẹp ai cũng thèm ước và ông khuyên người giàu nên bố thí cho kẻ nghèo để được lên thiên đường, khỏi phải xuống địa ngục.

Trong bọn người nghe có một nhà phú thương tên là Géborand, đã nghỉ kinh doanh, song vẫn còn cho vay lãi nặng, trước đây chỉ chuyên dệt các loại len, dạ mà kiếm được dăm chục vạn. Cả đời hắn chẳng bối thí cho ai bao giờ. Từ hôm nghe giảng, chủ nhật nào cũng thấy hắn ném một xu cho mấy bà lão ăn mày ở cửa nhà thờ. Một xu mà đến sáu người phải chia nhau! Một hôm thấy lão ta đang làm phúc kiểu đó, ông mỉm cười bảo cô em: "Kìa cô xem, ông Géborand đang mua một xu thiên đường đấy!"

Trong công việc từ thiện không bao giờ ông nản chí. Người ta có khăng khăng từ chối, ông cũng tìm được lời hay, bắt người ta phải suy nghĩ. Lần nọ ông khuyến quyên trong một phòng khách ở tỉnh. Một tay quý tộc đã già, vừa giàu lại vừa kiệt, hầu tước Champtercier, hôm ấy có mặt ở đấy. Hắn ta vào loại nhân vật kì lạ mà một thời người ta đã thấy xuất hiện, vừa có đầu óc bảo hoàng hơn vua, vừa có tư tưởng phóng khoáng hơn cả Voltaire¹.

Khi đến gần hầu tước, ông giám mục kéo tay hắn:

– Hầu tước ạ, ngài phải cho tôi cái gì mới được.

Hắn quay lại, trả lời nhạt nhẽo:

– Thuwa đức cha, tôi đã có kẻ nghèo của tôi.

Ông giám mục nói:

– Thì hãy cho tôi những kẻ nghèo đó!

Một hôm ở giáo đường, ông giảng đạo như sau:

"Các giáo hữu, các bạn thân mến! Hiện nay ở nước Pháp có một triệu ba mươi hai vạn cái nhà nông dân chỉ có ba cửa, một triệu tám trăm mươi

1. Voltaire: một nhà văn và nhà triết học nổi tiếng thế kỉ XVIII ở nước Pháp, có tư tưởng tự do.

bảy ngàn nhà có hai cửa, một cửa ra vào, một cửa sổ và còn ba mươi tám sáu ngàn túp lều chỉ có một cửa là chỗ ra vào thôi. Cái đó là do một thú mà người ta gọi là thuế cửa. Bắt những gia đình nghèo từ già đến trẻ phải chui rúc trong những ngôi nhà ấy thì tránh sao khỏi làm mồi cho sốt rét và bệnh tật! Than ôi! Thượng đế đã cho người ta không khí để thở thì luật pháp lại bắt họ phải mua! Tôi không kết án luật pháp, tôi chỉ tạ ơn Chúa. Trong hạt Isère, hạt Var, trong hai xứ Thượng, Hạ Alpes, nông dân không có đến cả cái xe cút kít, họ phải cõng phân ra ruộng. Họ không có nến, họ phải thắp bằng những que nhựa và những khúc dây thừng nhúng vào dầu nhựa. Khắp miền núi xú Dauphiné đều thế cả. Họ phải làm bánh ăn dự trữ sáu tháng. Họ đốt lò bánh bằng phân bò phơi khô. Mùa đông, họ dùng rìu bỗn bánh, ngâm vào nước một ngày một đêm mới ăn được. Hỡi các giáo hữu! Hãy mở lòng nhân! Hãy xem chung quanh các bạn người ta khổ như thế nào.”

Vốn sinh ở Provençal, ông rất dễ làm quen với các thổ âm miền Nam. Khi cần ông có thể nói: “*Eh bé! moussu, sès sagé?*” như người Languedoc Hạ, “*Onté anaras passa?*” như người Hạ Alpes, cũng như “*Puerte un bouen moutou embe un bouen froumage grase*” giống người ở Dauphiné Thượng. Điều đó làm dân chúng thích và giúp ông gần gũi mọi người khá nhiều. Vào nhà tranh vách đất hay lên chỗ núi non, ông cũng tự nhiên thoải mái như ở nhà mình. Nói những điều cao cả nhất ông cũng nói được bằng những lời lẽ thông tục nhất. Nói năng như mọi người nên cũng đi được vào lòng tất cả.

Tuy vậy, đối với hạng thượng lưu cũng như đối với dân chúng ông vẫn là một.

Ông không bao giờ buộc tội một cách vội vã mà không tính đến hoàn cảnh xung quanh. Ông nói: “Phải xét xem tội lỗi đã đi tới bằng con đường nào.”

Vì vui vẻ tự cho mình là *nguyên tội nhân*, ông không hề nghĩ đến một kiểu dốc cheo leo nào của chủ nghĩa khắc nghiệt và không cau mày nhăn mặt như những ông thiện, ông ác, ông chỉ lớn tiếng truyền bá một học thuyết có thể tóm tắt như sau:

“Con người ta có thể xác, nó vừa là gánh nặng vừa là nguồn quyến rũ. Con người kéo lê thể xác nhưng cũng chiêu nể nó.

Phải trông coi, uốn nắn, trấn áp, cùng kế lăm moi nghe theo nó. Nghe theo như vậy cũng còn có thể có tội; nhưng làm được như thế thì tội cũng

nhẹ. Ngã, nhưng là ngã quỳ thì còn có thể chuyển sang cầu nguyện.

Thành thánh thì ngoại lệ; thành người chính trực là quy tắc. Lầm lạc, sa ngã, phạm tội cũng được, nhưng phải là người chính trực.

Càng ít tội lỗi càng tốt, đó là luật của người. Không tội lỗi nào cả, đó là mơ ước của thiên thần. Đã thuộc trái đất này thì thoát sao khỏi tội lỗi. Tội lỗi cũng như luật hấp dẫn, chi phối mọi người.”

Có lúc ông thấy mọi người gào thét dữ tợn và phẫn nộ quá nhanh: “Ồ! Ồ!” Ông vừa cười vừa nói: “Rõ ràng đấy là một tội ác lớn mà mọi người đều mắc phải. Đó chính là những kẻ đạo đức giả bị kinh động nên vội vàng phản kháng để che thân.”

Đối với đàn bà và dân nghèo là những kẻ chịu nhiều áp bức xã hội nhất, ông rất độ lượng. Ông bảo: “Tội lỗi của đàn bà, của con trẻ, của kẻ tội tú, của người yếu hèn, của đám nghèo khổ và dốt nát, chính là tội lỗi của những bậc làm chồng, làm cha, làm chú, những kẻ quyền thế, những người giàu có và có học thức.”

Ông lại nói: “Phải cố gắng dạy cho người không biết càng nhiều điều càng hay. Xã hội mà không thực hiện được giáo dục không mất tiền là xã hội có lỗi. Nó phải chịu trách nhiệm về tình trạng tăm tối do nó sản sinh. Con người tối tăm mới gây ra tội lỗi. Cho nên kẻ có tội không phải là người đã lầm lỗi mà chính là kẻ đã gây nên tối tăm.”

Ông đã có một lỗi xét đoán sự việc theo cách riêng của mình, khá lâng nhung như thế đấy. Tôi ngờ là ông đã học ở sách Phúc Âm.

Một hôm ông được nghe kể ở phòng khách một trường hợp đã thảm cứu và sắp đem xử. Có một người đàn ông khốn khổ, vì thương người bạn tình của mình và đứa con mà chị đã có với anh ta, và cùng quẫn quá, nên làm bạc giả. Thuở ấy luật pháp còn xử những người làm bạc giả vào tội tử hình. Người đàn bà vừa mang đi tiêu thụ đồng bạc giả đầu tiên do người yêu làm ra thì bị bắt. Tóm chị nhưng cũng chỉ có tang chứng đối với chị mà thôi. Chỉ khi nào chị ta xung thú thì người yêu của chị mới mắc vòng pháp luật. Chị chối. Người ta tra gạn. Chị cũng một mực chối cãi. Bấy giờ viên biện lí nghĩ ra được một kế. Hắn bày đặt một câu chuyện phụ tình và khéo nhặt nhạnh chắp nối một ít mẩu thư từ đưa ra khiến cho người đàn bà khốn nạn kia tưởng mình bị người yêu dối lừa thật. Nỗi cơn ghen cùng cực, chị ta khai hết, thú hết với đủ mọi chứng cứ. Vì thế mà người đàn ông bị bắt và nay mai sẽ bị đem ra xử ở Aix cùng với đồng lõa. Người ta thuật chuyện và trầm trồ khen ngợi viên biện lí có tài vận

dụng lòng ghen tuông để phục vụ công lí. Ông giám mục im lặng ngồi nghe, cuối cùng mới hỏi:

- Người ta đem xử người đàn ông và người đàn bà ấy ở đâu?
- Ở tòa đại hình.

Ông hỏi thêm:

- Thế còn viên biện lí thì xử ở đâu?

Ở Digne xảy ra một việc bi thảm. Một người bị xử tử hình vì can tội sát nhân. Người bất hạnh ấy không hẳn là người có học mà cũng không hẳn dốt nát, hắn ta từng làm trò ở chợ và làm thầy kí viết thuê. Vụ án làm thành phố khá bận tâm. Trước ngày hành hình, cha tuyên úy nhà ngục bị ốm. Cần một cha cố để giúp đỡ tội nhân trong những phút cuối cùng. Người ta chạy tìm cha xú. Ông này hình như từ chối: "Việc đó liên quan gì đến tôi. Tôi cần gì cái việc khổ sai đó và cái tên xiếc khỉ ấy! Tôi, tôi cũng ốm đây; với lại, chỗ tôi không phải ở đấy." Người ta đem câu trả lời ấy thuật lại với ông giám mục, ông nói: "Ngài cha xú nói đúng. Không phải chỗ của ngài đâu, của tôi đấy."

Lập tức ông tới nhà ngục, xuống buồng giam của "tên xiếc khỉ", ông gọi tên người ấy, cầm tay hắn và nói chuyện. Cả ngày lẫn đêm ông ở cạnh hắn, quên ăn quên ngủ, chỉ cầu xin Chúa cứu vớt linh hồn cho người bị tội và cầu xin người bị tội tự lo cứu vớt lấy linh hồn mình. Ông nói hắn nghe những chân lí tốt đẹp nhất mà cũng là giản dị nhất. Như một người cha, một người anh, một người bạn; còn giám mục là chỉ để ban phúc mà thôi. Ông dạy hắn đủ điều, đem lại cho hắn vừa lòng tin vừa sự an ủi. Trước, hắn nghĩ chết tuyệt vọng. Cái chết đối với hắn như một vực sâu; run rẩy trước cái bờ u thảm ấy, hắn lùi lại kinh hoàng. Hắn không tối tăm quá đỗi đến nỗi tuyệt đối đứng đắn. Bản án làm chấn động sâu xa, dường như đã xô vỡ từng chỗ chung quanh hắn cái bức tường ngăn cách chúng ta với cõi bí mật của mọi vật mà chúng ta gọi là cuộc sống. Từ những lỗ thủng tai hại ấy, hắn không ngót nhìn ra thế giới này và chỉ thấy toàn bóng tối. Ông giám mục đã đem lại cho hắn ánh sáng.

Hôm sau, lúc người ta đến tìm nạn nhân, ông giám mục có mặt và đi theo hắn. Quần chúng thấy ông mặc áo choàng tím, đeo thánh giá giám mục, đi bên cạnh người khốn khổ bị trói. Ông cùng hắn bước lên xe bò, ông cùng hắn bước chân lên máy chém. Hôm qua hắn âu sầu rã rượi hết sức mà hôm nay thì mặt mày lại rạng rỡ. Hắn cảm thấy linh hồn được trở về với Chúa và hắn hi vọng ở Chúa. Ông ôm hôn hắn và lúc lưỡi dao sắp

UN JUSTE



"Đức Chúa Cha đang ở đó."

rơi, ông bảo: “Kẻ bị loài người giết chết, Chúa Trời sẽ cho sống lại; kẻ bị anh em xua đuổi sẽ gặp lại được Cha. Cầu nguyện đi, tin đi và bước vào cuộc hằng sống! Đức Chúa Cha đang ở đó.”

Khi ông bước từ máy chém xuống, trong mắt ông có cái gì làm cho mọi người phải tránh ra, đứng ngay ngắn lại. Không biết cái gì đáng kính phục hơn cả, da mặt trắng bệch hay vẻ người trong sáng! Trở về ngôi nhà tâm thường mà ông gọi là lâu đài của mình, ông nói với cô em: “Tôi vừa làm lễ một cách long trọng”.

Việc cao cả thường là việc ít được người hiểu, cho nên trong thành phố có kẻ bình luận hành động của ông giám mục, lại cho rằng ông ấy đóng kịch thôi. Thực ra đó chỉ là câu chuyện phòng khách. Còn dân chúng thì vốn không có ác ý nghi ngờ các hành vi thiêng liêng, họ lấy làm cảm kích và hết sức kính phục.

Về phần ông giám mục, nhìn thấy máy chém làm ông xúc cảm đột ngột, khiến ông khá lâu mới hồi tỉnh được.

Đúng là cái máy chém, khi nó đã ở đó, dựng lên và đứng sững, thì nó có cái gì ám ảnh người ta thật. Thường người ta có thể có chút gì bàng quan với tử hình, chẳng có ý kiến gì, phải cũng được mà không cũng được, chừng nào chưa thấy tận mắt một cái máy chém. Nhưng nếu đã gặp rồi thì xúc động thật là mãnh liệt, phải quyết định dứt khoát đứng về phía này hay phía kia. Kẻ thì ca ngợi như Maistre; người thì nguyền rủa như Beccaria. Máy chém là sự kết tụ của luật pháp, là *sự trừng trị*; nó không trung lập và không cho phép ai trung lập. Ai thấy nó đều lên một cơn run bí ẩn nhất. Mọi vấn đề xã hội đều dựng lên bao nhiêu dấu hỏi chung quanh lưỡi dao của nó. Máy chém là một áo tưởng. Máy chém không phải là một giá gỗ, máy chém không phải là một cỗ máy, máy chém không phải là một thứ máy móc cứng đờ bằng gỗ, sắt và dây. Hình như nó là loại sinh vật có một cái gì như một sáng kiến đen tối. Hình như cái giá gỗ ấy biết nhìn, cái cỗ máy ấy biết nghe, cái máy móc ấy biết hiểu, các thứ gỗ, sắt, dây ấy đều có ý chí. Trong cơn ác mộng do sự có mặt của nó gieo vào tâm hồn con người, máy chém hiện ra dữ tợn, tự nhúng tay vào công việc nó làm. Nó là đồng lõa với đao phủ; nó ăn người; nó nuốt thịt sống, nó uống máu tươi. Máy chém như một loài quái vật do thẩm phán và thợ mộc dựng lên, một bóng ma sống một cách đáng sợ bằng những cái chết nó tạo ra.

Vì thế ấn tượng của nó ở trong tâm trí ông giám mục thật là ghê rợn



Nhà có người ốm và người hấp hối thì lúc nào cho mời ông Myriel cũng được

và sâu xa. Hôm sau ngày hành hình và nhiều hôm sau đó nữa, ông như thất thần. Dáng thanh tịnh gần như mãnh liệt của phút giây bi thảm đã biến mất; bóng ma của công lí xã hội ám ảnh người ông. Con người mà thường ngày đi hành đạo với vẻ bắng lòng rạng rỡ trên mặt, lần này hình như có ân hận. Có lúc, ông tự nói với mình và lúng túng thì thầm từng tràng độc thoại ảo não. Đây là một trong những độc thoại ấy mà cô em đã nghe được một buổi tối và ghi lại: "Ta không ngờ việc ấy lại ghê rợn đến thế. Để hết tâm trí vào luật lệ của Chúa đến mức không còn nhìn thấy luật lệ của người đời nữa thì thật là sai lầm. Cái chết chỉ thuộc quyền Chúa. Quyền gì mà loài người động chạm đến cái việc không một ai được biết ấy?"

Với thời gian những cảm tưởng ấy mờ dần và chắc rồi phai hẳn. Tuy vậy, người ta vẫn để ý thấy ông giám mục, từ đó, tránh đi qua chỗ pháp trưởng.

Nhà có người ốm và người hấp hối thì lúc nào cho mời ông Myriel cũng được. Ông biết đó là nhiệm vụ và công việc quan trọng nhất của ông. Gia đình nào vợ góa con côi thì không cần mời, ông cũng đến. Ông khéo ngồi im lặng hàng giờ bên người chồng mất vợ, hay bên người mẹ vừa mới chết con. Ông khéo biết lúc nào nên im lặng và cũng biết lúc nào cần phải nói. Ông an ủi người ta mới tài tình làm sao! Ông không tìm cách làm cho người ta quên đau thương mà làm cho người ta hi vọng, vì hi vọng khiến cho đau thương trở nên cao cả và đáng kính. Ông thường nói: "Đối với người quá cố, khéo chẳng lại thành ra bất kính. Đừng có nghĩ đến cái thể chất đang thoái nát mà hãy nhìn trực thị trời xanh, ở đấy có ánh hào quang lấp lánh của người đã khuất."

Ông biết rằng đức tin là lành, nên ông thường nêu gương nhẫn耐 để an ủi người thất vọng và ông tìm cách biến sự đau khổ tuyệt vọng hướng về mộ địa, thành sự đau khổ tin tưởng nhìn lên trời cao.

V

ĐỨC CHA BIENVENU DÙNG ÁO LÂU QUÁ



ời tư của ông Myriel cũng cùng chung một số nguyên tắc như đời công. Với kẻ được xem gần thì cái nghèo tự nguyện trong cuộc sống của ông giám mục thành Digne là một cảnh tượng trang trọng và đáng yêu.

Như người già và phần lớn những người hay suy tưởng, ông ít ngủ, nhưng lại ngủ say. Buổi sáng ông tĩnh tọa một giờ rồi đi làm lễ, hoặc ở nhà thờ lớn hoặc ở phòng nguyện trong nhà. Lễ xong, ông ăn sáng một cái bánh mì bằng bột tiểu mạch nhúng trong sữa bò nhà. Sau đó ông bắt đầu làm việc.

Làm giám mục bận rộn thật. Thường xuyên ông phải tiếp vị bí thư của tòa giám mục, thường là một chức sắc và hầu như ngày nào cũng phải gặp các phó giám mục. Ông còn phải kiểm tra công việc các hội, phân phát các đặc ân này nọ, xem xét cả một thư viện nhà chung, nào sách xem lễ, nào sách bốn, sách kinh... rồi thảo các thư từ hành đạo, chuẩn y các bài thuyết pháp, giải hòa các vụ xích mích giữa cha xứ và xã trưởng, rồi còn một mớ thư từ giao dịch về phẩn đạo, về phẩn đời, một bên là nhà nước, một bên là tòa thánh, thôi thì trăm công nghìn việc.

Thì giờ còn lại ngoài những công việc bề bộn ấy và những buổi lễ, những giờ đọc kinh, ông dành cho kẻ khó, người ốm đau, sầu muộn. Dành cho kẻ khó, người ốm đau, sầu muộn còn thừa ông dùng vào lao động. Khi thì ông cuốc đất trong vườn nhà, khi thì ông đọc và viết. Hai công việc nhưng ông chỉ dùng một tên gọi: *làm vườn*. “Trí óc cũng là một cái vườn”, ông nói.

Đến trưa, ông ăn cơm. Bữa trưa cũng giống như bữa sáng.

Quảng hai giờ chiều, hôm trời tốt, ông ra khỏi nhà, dạo xem phong cảnh thôn dã hoặc phố phường, nhiều lúc ghé thăm các túp lều tranh.



Đức cha Bienvenu